

Họ, tên thí sinh: _____

Số báo danh: _____

Mã đề thi 321

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết vùng Tây Nguyên có nhà máy thủy điện nào sau đây?

- A. Vĩnh Sơn. B. Hàm Thuận - Đa Mi. C. A Vương. D. Xê Xan 3A.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết đảo Phú Quốc thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Cà Mau. B. Kiên Giang. C. Sóc Trăng. D. Bạc Liêu.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Tây Bắc Bộ?

- A. Điện Biên Phủ. B. Thanh Hóa. C. Lạng Sơn. D. Sa Pa.

Câu 44: Đồng bằng sông Hồng có nhiều thuận lợi để

- A. trồng cà phê. B. trồng lúa gạo. C. khai thác dầu mỏ. D. khai thác thiếc.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết vùng Đồng bằng sông Cửu Long có khoáng sản nào sau đây?

- A. Crôm. B. Sắt. C. Đá axít. D. Niken.

Câu 46: Sản phẩm nào sau đây của nước ta thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm trồng trọt?

- A. Sữa hộp. B. Rượu, bia. C. Thịt hộp. D. Nước mắm.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có số lượng bò lớn nhất?

- A. Ninh Bình. B. Thanh Hóa. C. Thái Bình. D. Nam Định.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

- A. Vũng Tàu. B. Nha Trang. C. Mỹ Tho. D. Quy Nhơn.

Câu 49: Vùng đồng bằng nước ta thường xảy ra

- A. động đất. B. đất trượt. C. đá lở. D. lụt úng.

Câu 50: Cây nào sau đây ở nước ta thuộc nhóm cây công nghiệp lâu năm?

- A. Mía. B. Lạc. C. Điều. D. Bông.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi nào cao nhất trong các núi sau đây?

- A. Chư Yang Sin (2405). B. Chư Pha (922). C. Vọng Phu (2054). D. Nam Decbei (1586).

Câu 52: Vùng ven biển Bắc Trung Bộ có thể mạnh về

- A. khai thác apatit. B. nuôi bò sữa. C. nuôi thủy sản. D. khai thác dầu mỏ.

Câu 53: Biện pháp mở rộng diện tích đất nông nghiệp ở nước ta là

- A. canh tác hợp lí. B. đa dạng cây trồng. C. khai khẩn đất hoang. D. bón phân thích hợp.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết nhà máy nhiệt điện Uông Bí thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Ninh. B. Lạng Sơn. C. Thái Nguyên. D. Tuyên Quang.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết tỉnh Thanh Hóa có khu kinh tế ven biển nào sau đây?

- A. Chân Mây - Lăng Cô. B. Vũng Áng. C. Nghi Sơn. D. Hòn La.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác lớn hơn thủy sản nuôi trồng?

- A. An Giang. B. Bạc Liêu. C. Sóc Trăng. D. Kiên Giang.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có du lịch biển?

- A. Cần Thơ. B. Đà Nẵng. C. Hà Nội. D. Lạng Sơn.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ Trị An nằm trong lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

- A. Sông Đồng Nai. B. Sông Ba. C. Sông Thu Bồn. D. Sông Cà.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Cẩm Phả có ngành nào sau đây?

- A. Luyện kim màu. B. Đông tau. C. Chế biến nông sản. D. Hóa chất, phân bón.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Đà Nẵng. B. Nha Trang. C. Quy Nhơn. D. Phan Thiết.

Câu 61: Thế mạnh để phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. nhiều vùng bãi triều, đầm phá khá rộng. B. nhiều khu rừng ngập mặn, cửa sông lớn.
C. có ngư trường trọng điểm, giàu sinh vật. D. có sông ngòi dày đặc, nền nhiệt ổn định.

Câu 62: Viễn thông nước ta hiện nay không phải là ngành

- A. phân bố tập trung ở vùng núi. B. có các hoạt động rất đa dạng.
C. có đồng đảo lao động kĩ thuật. D. sử dụng nhiều thiết bị hiện đại.

Câu 63: Thuận lợi chủ yếu đối với phát triển công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. nguồn khoáng sản đa dạng, phong phú. B. có nhiều sông suối, nguồn nước dồi dào.
C. vùng đồi rộng, có đồng bằng giữa núi. D. đất feralit rộng, có các cao nguyên lớn.

Câu 64: Thuận lợi để phát triển giao thông vận tải biển ở Đông Nam Bộ là

- A. bờ biển dài, có nhiều ngư trường. B. biển ấm, có rừng ngập mặn rộng.
C. biển rộng, gần đường biển quốc tế. D. giàu dầu khí, có các cửa sông lớn.

Câu 65: Hoạt động nhập khẩu của nước ta hiện nay

- A. hoàn toàn phụ thuộc kinh tế tư nhân. B. phân bố đồng đều ở các địa phương.
C. chỉ tập trung vào mặt hàng tiêu dùng. D. ngày càng có sự mở rộng thị trường.

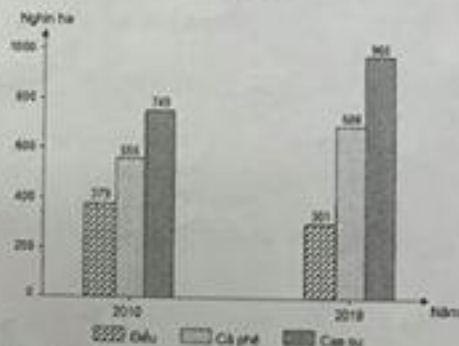
Câu 66: Thuận lợi chủ yếu của biển nước ta đối với khai thác thủy sản là có

- A. đường bờ biển dài, nhiều bãi biển. B. các ngư trường lớn, nhiều sinh vật.
C. rừng ngập mặn, các bãi triều rộng. D. vùng biển rộng, nhiều đảo ven bờ.

Câu 67: Lãnh thổ nước ta

- A. chỉ tiếp giáp với các quốc gia trên biển. B. có vùng đất gấp nhiều lần vùng biển.
C. nằm hoàn toàn ở trong vùng xích đạo. D. có đường bờ biển dài từ bắc vào nam.

Câu 68: Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG MỘT SỐ CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2018

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta năm 2018 so với năm 2010?

- A. Cà phê tăng, cao su tăng. B. Cà phê giảm, điều giảm.
C. Cao su tăng, điều tăng. D. Cao su giảm, cà phê giảm.

Câu 69: Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2018

(Đơn vị: Nghìn người)

Tỉnh	Bắc Ninh	Thanh Hóa	Bình Định	Tiền Giang
Số dân	1247,5	3558,2	1534,8	1762,3
Số dân thành thị	353,6	616,1	475,5	272,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ dân thành thị trong dân số của các tỉnh năm 2018?

- A. Bắc Ninh thấp hơn Thanh Hóa.
 B. Tiền Giang cao hơn Bình Định.
 C. Bình Định thấp hơn Bắc Ninh.
 D. Thanh Hóa cao hơn Tiền Giang.

Câu 70: Duyên hải Nam Trung Bộ hiện nay phát triển mạnh

- A. trồng cây công nghiệp cận nhiệt.
 B. chuyên canh lúa và cây dược liệu.
 C. khai thác và nuôi trồng thủy sản.
 D. khai thác gỗ quý cho xuất khẩu.

Câu 71: Tây Nguyên hiện nay phát triển mạnh

- A. khai thác và chế biến bôxít, nhiệt điện.
 B. trồng cây công nghiệp lâu năm, du lịch.
 C. lúa, gạo và các loại hoa màu, thủy điện.
 D. khai thác và chế biến thủy sản, cơ khí.

Câu 72: Đô thị nước ta tiêu thụ mạnh các sản phẩm hàng hóa chủ yếu do

- A. mật độ dân số cao, thu hút nhiều vốn đầu tư.
 B. cơ sở hạ tầng khá tốt, giao thương thuận lợi.
 C. dịch vụ đa dạng, việc kinh doanh phát triển.
 D. dân cư tập trung đông, chất lượng sống cao.

Câu 73: Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế của nước ta thay đổi chủ yếu do

- A. tăng cường hiện đại hóa, mở rộng dịch vụ.
 B. đẩy mạnh công nghiệp hóa, thu hút đầu tư.
 C. phát triển kinh tế thị trường, toàn cầu hóa.
 D. khai thác các thế mạnh, tăng trưởng kinh tế.

Câu 74: Nước ta có tỉ lệ dân thành thị còn thấp chủ yếu do

- A. lao động nông nghiệp nhiều, ít thay đổi nghề.
 B. trình độ đô thị hóa thấp, sức hấp dẫn còn yếu.
 C. dịch vụ ít đa dạng, mức sống dân cư chưa cao.
 D. kinh tế phát triển chậm, công nghiệp hạn chế.

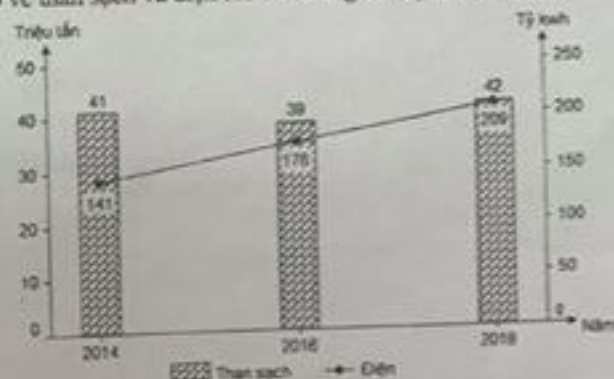
Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh nông nghiệp ở nước ta là

- A. tạo việc làm, nâng cao trình độ của lao động.
 B. thúc đẩy áp dụng công nghệ, tăng năng suất.
 C. tạo lượng nông sản lớn, phát triển hàng hóa.
 D. sử dụng hiệu quả đất đai, bảo vệ môi trường.

Câu 76: Mùa mưa ở dải đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ chịu tác động chủ yếu của

- A. gió mùa Tây Nam, áp thấp nhiệt đới, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.
 B. gió hướng đông bắc, gió mùa Tây Nam, dải hội tụ, bão và áp thấp nhiệt đới.
 C. áp thấp nhiệt đới và bão, gió mùa Tây Nam, gió Tây và gió mùa Đông Bắc.
 D. dải hội tụ, Tín phong bán cầu Bắc và gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

Câu 77: Cho biểu đồ về than sạch và điện của nước ta giai đoạn 2014 - 2018:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu sản lượng than sạch và điện.
 B. Chuyển dịch cơ cấu sản lượng than sạch và điện.
 C. Quy mô sản lượng than sạch và điện.
 D. Tốc độ tăng trưởng sản lượng than sạch và điện.

Câu 78: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH LÚA PHÂN THEO MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2018

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	Tổng số	Lúa đông xuân	Lúa hè thu và thu đông	Lúa mùa
2010	7489,4	3085,9	2436,0	1967,5
2018	7570,4	3102,1	2785,0	1683,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô và cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ của nước ta năm 2010 và năm 2018, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Kết hợp. C. Đường. D. Miền.

Câu 79: Sự khác nhau về mùa giữa vùng núi Tây Bắc và vùng núi Đông Bắc chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. vị trí gần hay xa biển và độ cao của các đỉnh núi, hướng của các dãy núi.
B. gió theo hướng tây nam, gió theo hướng đông bắc và địa hình vùng núi.
C. bão, dải hội tụ nhiệt đới, Tín phong bán cầu Bắc và độ dốc các sườn núi.
D. gió mùa Đông Bắc, gió mùa Tây Nam và các dãy núi hướng vòng cung.

Câu 80: Do nằm trong khu vực nội chí tuyến nên Biển Đông có

- A. dải hội tụ, bão, áp thấp nhiệt đới, dòng hải lưu, nhiều rừng ngập mặn.
B. bão và áp thấp nhiệt đới, nhiệt độ nước biển cao và độ muối khá lớn.
C. khí hậu xích đạo, nhiệt độ cao, ẩm đới đảo, gió hoạt động theo mùa.
D. khí hậu nhiệt đới, mưa theo mùa, sinh vật biển đa dạng và phong phú.

HẾT

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.